

Bản án số: 40/2019/DS-PT

Ngày: 25/10/2019

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLPT-DS ngày 22/7/2019, về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2019/QĐ-PT ngày 06/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐ-PT ngày 18/9/2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 1471/TB-TA ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 16, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Đinh Thị P, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 162/14/7 đường T, Phường 14, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 37/7/2 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đinh Thị P: Luật sư Hà Vĩnh P- Văn phòng Luật sư Vĩnh P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 23, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T: Bà Đinh Thị P; địa chỉ: Số 162/14/7 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 37/7/2 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đinh Văn D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Đinh Thị K, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 351 đường T2, Tổ 1, Khu phố 10, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị K: Bà Đinh Thị P; địa chỉ: Số 162/14/7 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 37/7/2 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Đinh Tuấn A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Đinh Thúy P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đinh Thúy P: A Đinh Tuấn A; địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Đinh Quý M, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V: Luật sư Huỳnh Ngọc A- Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn T3

Địa chỉ: Số 152 đường L, phường 6, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Văn T3: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 16, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Đinh Văn T4, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- A Đinh Nhất Đ, sinh năm 1985.

- Chị Đinh Thị Tam S, sinh năm 1995.

- Chị Đặng Thị Thế G sinh năm 1984.

- Cháu Đinh Hữu P, sinh năm 2012.

- Cháu Đinh Thị Mỹ D, sinh năm 2016.

Người Đ diện hợp pháp của cháu Đinh Hữu P và cháu Đinh Thị Mỹ D: A Đinh Nhất Đ và chị Đặng Thị Thế G (là cha mẹ đẻ của cháu P và cháu D).

Cùng địa chỉ: Tổ 9, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Q.

Địa chỉ: Số 212 H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND phường T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn D1- Công chức Địa chính Xây Dựng phường T.

- Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND thành phố Q.

4. Người kháng cáo: bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, ông Đinh Văn T3, ông Đinh Văn T4, anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P.

(Tại phiên tòa: Bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, Luật sư Hà Vĩnh P, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A, ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V, Luật sư Huỳnh Ngọc A, ông Đinh Văn T4, anh Đinh Nhất Đ, chị Đinh Thị Tam S, chị Đặng Thị Thế G có mặt; ông Huỳnh Tấn D1 và đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 18-3-2016, 11-4-2016, 11-5-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21-01-2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị P khai:

Cha của bà là cụ Đinh Văn C (chết năm 2015) và mẹ của bà là cụ Phạm Thị P2 (chết năm 2017). Cụ C và cụ P2 có 10 người con, gồm: Bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, ông Đinh Quý M, bà Đinh Thị T, ông Đinh Văn T (ông T chết năm 2007, có hai người con là anh Đinh Tuấn A và chị Đinh Thúy P), ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn T3, ông Đinh Văn Hùng (chết khi còn nhỏ, không có vợ con) và ông Đinh Văn T4.

Nguồn gốc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m², tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất nêu trên là của cụ C và cụ P2 tạo lập. Khi cụ C và cụ P2 còn sống thì ông Đinh Quý M làm giả hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Văn C, cụ Phạm Thị P2 với ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V là không hợp pháp.

Cụ C và cụ P2 chết đều không để lại di chúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29-11-2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đình Văn C, cụ Phạm Thị P2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 777588, số vào sổ H01884, ngày 29-11-2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V.

- Chia di sản thừa kế của cụ Đình Văn C để lại, gồm: $\frac{1}{2}$ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích $308,9m^2$, tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ giá trị 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất nêu trên thành 10 kỷ phần bằng nhau cho 10 người trong cùng hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, gồm: Cụ Phạm Thị P2 và các ông, bà Đình Thị L, Đình Thị P, Đình Quý M, Đình Thị T, Đình Văn T (ông T chết năm 2007, có hai con là Đình Tuấn A, Đình Thúy P thừa kế thế V), Đình Văn D, Đình Thị K, Đình Văn T3 và Đình Văn T4.

- Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị P2 để lại, gồm: $\frac{1}{2}$ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích $308,9m^2$, tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ giá trị của 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất nêu trên thành 09 kỷ phần bằng nhau cho 09 người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ P2, gồm: Các ông, bà Đình Thị L, Đình Thị P, Đình Thị T, Đình Thị K, Đình Văn D, Đình Quý M, Đình Văn T4, Đình Văn T (ông T chết năm 2007, có 02 con thừa kế thế V là Đình Tuấn A và Đình Thúy P) và Đình Văn T3.

Bà yêu cầu được chia di sản của cụ C và cụ P2 bằng hiện vật.

Các nguyên đơn bà Đình Thị L, bà Đình Thị T, bà Đình Thị K, ông Đình Văn D, anh Đình Tuấn A và chị Đình Thúy P thống nhất với ý kiến trình bày của bà Đình Thị P, yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật.

Tại đơn trình bày ngày 08-6-2016, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa bị đơn ông Đình Quý M khai:

Về quan hệ huyết thống: Ông thống nhất với trình bày của các nguyên đơn.

Khi cha mẹ ông còn sống thì cha mẹ ông đã cho nhà đất cho một số anh chị em như bà Đình Thị L, bà Đình Thị P, ông Đình Văn T và ông Đình Văn D. Nguồn gốc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích $308,9m^2$, tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là của cụ Đình Văn C và cụ Phạm Thị P2 tạo lập, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông là con trai trưởng và là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ lúc già yếu và thờ cúng ông bà, tổ tiên nên ngày 22-10-2007, cụ C và cụ P2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông với ước nguyện vợ chồng ông có trách nhiệm quản lý, thờ cúng ông bà, tổ tiên. Vợ chồng ông nhận tài sản và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 2011 vợ chồng ông xây dựng căn nhà cấp 3A cho con trai là Đình Nhất Đ trên diện tích đất đã được cha mẹ tặng cho, không có ai tranh chấp, khiếu nại gì. Ngoài hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì ngày 16-9-2007 và ngày 01-4-2009 cụ C, cụ P2 còn lập giấy ủy quyền thừa kế và Tờ kê ước, thống nhất giao toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18 nêu trên

và 03 căn nhà gắn liền với đất cho vợ chồng ông trọn quyền quản lý, sử dụng. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V thống nhất với trình bày của ông Đinh Quý M.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22-7-2016, đơn khởi kiện ngày 04-01-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T3 khai:

Cha mẹ ông là cụ Đinh Văn C, cụ Phạm Thị P2 có 10 người con đúng như các nguyên đơn đã trình bày. Cha mẹ ông là người tạo lập 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m², tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay nhà và thửa đất nêu trên đang do ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V quản lý, sử dụng. Ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha, mẹ ông để lại là thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m², tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và 03 căn nhà gắn liền với đất thành 10 phần bằng nhau và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Tại bản tự khai ngày 16-3-2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Nhất Đ, chị Đặng Thị Thế G khai:

Nguồn gốc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và 03 căn nhà gắn liền với đất là của ông nội Đinh Văn C và bà nội Phạm Thị P2 tạo lập. Năm 2007 ông, bà nội đã tặng cho cha mẹ của anh chị là ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V. Năm 2011 ông M, bà V xây dựng căn nhà cấp 3A cho anh chị và các con ở. Khi ông, bà nội còn sống thì các cô, chú không quan tâm, chăm sóc cho ông, bà nội. Nay các cô chú yêu cầu chia thừa kế thì anh chị thấy không đúng, anh chị thống nhất với ý kiến của ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Tam S thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-4-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T4 khai:

Ông là con nuôi của cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2. Cha mẹ ông có 10 người con đúng như các nguyên đơn đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Nguồn gốc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m², tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất nêu trên là của cụ C và cụ P2 tạo lập. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại đối với nhà, đất nêu trên thì bản thân ông sẽ không nhận phần di sản của cha mẹ để lại. Nếu có căn cứ xác định di sản của cha mẹ để lại thì ông yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, chia đều phần di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho các thừa kế khác.

Tại công văn số 5198/UBND ngày 02-12-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q khai:

Ngày 08-4-2005, cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2 nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07-8-2007 Phòng Tài nguyên và Môi

trường thành phố Q thẩm tra hồ sơ và xác nhận “*đủ điều kiện cấp giấy, chuyển thu lệ phí trước bạ*”. Ngày 10-9-2007, cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2 được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AI 731243, số vào sổ H01735 tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, Phường T, thành phố Q, diện tích 308,9m², đất ODT. Ngày 22-10-2007, cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đinh Quý M và bà Nguyễn Thị V, được Ủy ban nhân dân Phường T chứng thực ngày 22-10-2007. Ngày 19-11-2007, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q) thẩm tra hồ sơ và xác nhận “*hồ sơ đã thẩm tra đầy đủ, đủ điều kiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất*”. Ngày 29-11-2007, Ủy ban nhân dân thành phố Q có Quyết định số 1098/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đinh Văn C, cụ Phạm Thị P2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V. Ngày 29-11-2007, Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V, số phát hành AI 777588, số vào sổ H01884, tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, Phường T, thành phố Q, diện tích 308,9m², đất ODT.

Tại biên bản làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Q ngày 26-4-2017 với Ủy ban nhân dân phường T thì đại diện UBND phường khai:

Ngày 22-10-2007, cụ Đinh Văn C, cụ Phạm Thị P2, ông Đinh Quý M và bà Nguyễn Thị V có đến Ủy ban nhân dân Phường T yêu cầu chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m², tại Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kiểm tra đầy đủ thông tin cần thiết, cụ C và cụ P2 đã ký vào hợp đồng tặng cho thửa đất nêu trên cho bên nhận tặng cho là ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V. Khi đó, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường T là ông Đỗ Hà C đã ký chứng thực vào hợp đồng tặng cho. Tuy nhiên, nội dung lời chứng ghi “*Tôi Đỗ Hà C Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi*” là do có sai sót trong khâu rà soát văn bản, đồng thời, phần dưới của hợp đồng tặng cho dưới chữ ký của ông Đỗ Hà C có đóng dấu tên Nguyễn Hữu V là do có sự nhầm lẫn của cán bộ văn thư.

Tại giấy xác nhận ngày 18-3-2018, người làm chứng ông Hà Văn T khai:

Vào ngày 22-10-2007 ông là cán bộ Tư pháp Phường T có nhận hồ sơ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, thuộc Phường T, T phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tại thời điểm chứng thực, các bên có mặt tại Ủy ban nhân dân Phường T, bên tặng cho cụ Đinh Văn C ký tên, cụ Phạm Thị P2 áp chỉ tay trước mặt ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân T phố Q đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A và chị Đinh Thúy P về việc hủy quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29-11-2007

và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 777588, sổ vào sổ H01884, ngày 29-11-2007 của Ủy ban nhân dân T phố Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P và yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T3 về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.977.000 đồng (bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Bà bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A và chị Đinh Thúy P mỗi người phải chịu 711.000 đồng (bảy trăm mười một nghìn đồng). Bà Đinh Thị L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); bà Đinh Thị P đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); chị Đinh Thúy P đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc là 2.877.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Do đó, bà Đinh Thị P phải trả lại cho bà Đinh Thị L 111.000 đồng (một trăm mười một nghìn đồng); ông Đinh Văn D phải trả lại cho bà Đinh Thị L 678.000 đồng (sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) và trả lại cho chị Đinh Thúy P 33.000 đồng (ba mươi ba nghìn đồng); bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K và anh Đinh Tuấn A, mỗi người phải trả lại cho chị Đinh Thúy P 711.000 đồng (bảy trăm mười một nghìn đồng).

- Ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Ông M, bà V đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

- Bà Đinh Thị L phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Bà La đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suA quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2019, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, ông Đinh Văn T3, ông Đinh Văn T4, anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn C, cụ Phạm Thị P2 cho những người cùng hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND T phố Q.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 777588, sổ vào sổ H01884 ngày 29/11/2007 của UBND T phố Q.

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2007 vô hiệu.

- Hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 16/4/2007.

- Hủy tờ khế ước lập ngày 01/4/2009.

Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đinh Thị P:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất về hình thức không đúng quy định của Bộ luật dân sự, Luật đất đai vì việc xác nhận trong Hợp đồng có sự nhầm lẫn. Lẽ ra UBND phường T phải hướng dẫn người dân làm lại Hợp đồng, nhưng UBND phường T lại hướng dẫn để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy là không đúng pháp luật nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý. Trong Bộ luật dân sự năm 2005 không có quy định giấy ủy quyền thừa kế và kế ước, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại thừa nhận các giấy này là xâm phạm đến quyền lợi của người khác. Giấy ủy quyền thừa kế thì chỉ ủy quyền quản lý di sản chứ không phải giao luôn tài sản. Cụ C, cụ P2 đã chết, các giấy tờ, và hợp đồng chuyển nhượng đều không đúng nên phải tuyên hủy, do đó tài sản của cụ C, cụ P2 phải được chia đều. Ngoài ra, về thẩm quyền thì Tòa án nhân dân T phố Q không có thẩm quyền giải quyết vụ án này, vì đương sự có yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân T phố Q thì thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung, nếu không hủy thì yêu cầu chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 30/5/2016 (trước ngày 01/7/2016) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Q. Nguồn gốc thửa đất 111, tờ bản đồ số 18, phường T là của cụ C, cụ P2, các cụ đã lập hợp đồng tặng cho vợ chồng ông M, bà V, phía nguyên đơn đều biết nhưng không ai khiếu nại hay tranh chấp gì. Các Giấy ủy quyền và Tờ kế ước là chữ viết, chữ ký của cụ C. Hợp đồng tặng cho được cán bộ địa chính phường T khẳng định cụ P2 có đến Ủy ban nhân dân phường T để điểm chỉ vào hợp đồng. Năm 2011, ông M làm nhà cho con ở nhưng cụ C, cụ P2 đều không ý kiến gì. Cụ P2 khai chỉ ở với vợ chồng ông M, nên có đủ cơ sở khẳng định thửa đất 111, tờ bản đồ số 18, phường T đã được cụ C, cụ P2 tặng cho vợ chồng ông M, bà V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất 111, tờ bản đồ số 18 và 3 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất là của cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2 tạo lập. Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T ngày 22/10/2007 thể hiện cụ C, cụ P2 tặng cho vợ chồng ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V, sau đó ngày 01/4/2009 cụ C, cụ P2 còn lập tờ kế ước. Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông M, bà V thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2007. Vợ chồng ông M, bà V ở cùng với cụ C, cụ P2 và các con, cháu, trực tiếp chăm sóc cụ C, cụ P2 và quản lý sử dụng thửa đất 111 công khai, liên tục, không có ai tranh chấp.

Theo kết luận giám định thì chữ ký, chữ viết Đinh Văn C trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, trong giấy ủy quyền thừa kế, tờ kế ước là chữ ký, chữ viết của cụ Đinh Văn C. Dấu vân tay trong giấy ủy quyền thừa kế, tờ kế ước phần ghi Phạm Thị P2 so với tài liệu mẫu so sánh không đủ yếu tố giám định. Dấu vết đường vân trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không phải dấu vân tay trong chứng minh nhân dân của cụ P2. Tuy nhiên, vợ chồng ông M, bà V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007; năm 2011 ông M, bà V xây nhà cấp 3A kiên cố cho con trai nhưng không có ai tranh chấp, khiếu nại, căn cứ theo án lệ số 03/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì có căn cứ xác định vợ chồng ông M, bà V đã được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 111 và 03 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất.

Việc chứng thực Hợp đồng tại Ủy ban nhân dân phường T giữa cụ C, cụ P2 với ông M, bà V có sai sót, nhưng là sai sót về thao tác văn phòng, sai sót này không làm thay đổi ý chí của các đương sự.

Tòa án nhân dân T phố Q đã thụ lý vụ án vào ngày 30/5/2016, trong đó có yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân T phố Q. Căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án nhân dân T phố Q vẫn tiếp tục giải quyết vụ án mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh là có căn cứ.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thửa đất 111, tờ bản đồ số 18 và 3 căn nhà cấp 4 của cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2, nếu không chia thừa kế thì hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trong các đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND T phố Q ban hành về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đình Văn C, cụ Phạm Thị P2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND T phố Q cấp Ngày 29/11/2007 cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m².

- Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m² và 03 ngôi nhà cấp 4 cho các đồng thừa kế của các cụ Đình Văn C, Phạm Thị P2.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn kháng cáo ngày 15/5/2019 nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các nội dung như đã khởi kiện tại cấp sơ thẩm nêu trên. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu thêm: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2007 là vô hiệu; Tuyên hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 16/4/2007; Tuyên hủy Tờ kế ước lập ngày 01/4/2009. Xét các yêu cầu này có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không quá nội dung khởi kiện ban đầu được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu nếu không hủy các giao dịch trên thì hủy bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy:

Thửa đất số 111 được UBND T phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đình Văn C, cụ Phạm Thị P2 ngày 10/9/2007. Ngày 16/9/2007, cụ Đình Văn C viết Giấy ủy quyền thừa kế (quyền sử dụng đất nhà ở) ủy quyền thừa kế cho con trai Đình Quý M thửa đất số 111 diện tích 308,9m² cùng tài sản gắn liền với nhà cấp 4, Giấy ủy quyền thừa kế này có chữ ký của cụ C và điểm chỉ của cụ Phạm Thị P2. Sau khi có Giấy ủy quyền thừa kế thì các cụ Đình Văn C, Phạm Thị P2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m² tại UBND Phường T, T phố Q, Hợp đồng được chứng thực tại UBND phường T ngày 22/10/2007. Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ngày 29/11/2007 UBND T phố Q ban hành Quyết định số 1098/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đình Văn C, cụ Phạm Thị P2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m² phường T, T phố Q. Ngày 29/11/2007, UBND T phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M, bà Nguyễn Thị V thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m².

Ngày 01/4/2009, cụ Đình Văn C lại lập Tờ kê ước bằng chữ viết tay, nội dung là giao lại (thửa đất 111, tờ bản đồ số 18, phường T) cho hai vợ chồng con (Đình Quý M, Nguyễn Thị V) để kế thừa và phụng dưỡng cho cha mẹ. Tờ kê ước này có chữ ký của cụ Đình Văn C, điểm chỉ thay ký tên của cụ Phạm Thị P2, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố 9, phường T.

Xét các Giấy ủy quyền thừa kế, Tờ kê ước đều là chữ viết và chữ ký của cụ C, trong hai tờ giấy này có điểm chỉ ghi Phạm Thị P2, tuy nhiên các dấu vân tay này không đủ yếu tố giám định theo Kết luận giám định số 05/KLGD-PC54 ngày 07/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và Kết luận giám định số 231/C09 (P3) ngày 21/9/2018 của Viện K học hình sự Bộ Công an. Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường T chứng thực ngày 22/10/2007, theo Kết luận giám định số 231/C09 (P3) ngày 21/9/2018 của Viện K học hình sự Bộ Công an thì xác định chữ ký là của cụ C, điểm chỉ tay không phải của cụ P2. Tuy nhiên, sau khi thửa đất 111 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M bà Nguyễn Thị V thì cụ P2 lúc còn sống không khiếu nại gì, cụ P2 sống với vợ chồng ông M mãi đến năm 2017 mới mất. Năm 2011 thì vợ chồng ông M đã cho xây 01 ngôi cấp IIIA cho vợ chồng con trai là Đình Nhất Đ nhưng không có ai tranh chấp, khiếu nại. Căn cứ theo án lệ số 03/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì có căn cứ xác định vợ chồng ông M, bà V đã được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 111. Trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4 của các cụ nhưng trong quá trình sử dụng thì gia đình ông M cùng các con và các cụ sinh sống do chật chội nên vợ chồng ông M đã sửa nhà nhiều lần nhưng cũng không ai có ý kiến gì. Do đó có căn cứ cụ P2 cũng thống nhất cho vợ chồng ông M thửa đất số 111.

Đối với việc chứng thực vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của UBND phường T, T phố Q ngày 22/10/2007 thì người chứng thực là Phó chủ tịch Đỗ Hà C nhưng trong lời chứng có sai sót ghi ông Đỗ Hà C là Chủ tịch và đóng dấu tên của chủ tịch là Nguyễn Hữu V thì đây là sai sót hành chính đã được UBND phường T thừa nhận, việc sai sót này không ảnh hưởng đến ý chí của việc tặng cho.

[2.2] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định khi còn sống thì các cụ Đình Văn C, Phạm Thị P2 đã tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m² tại phường T và tài sản trên đất cho vợ chồng ông M, bà V. Nên quyền sử dụng đất thửa đất số 111 và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 không còn là di sản của cụ C, cụ P2. Nguyên đơn là các ông, bà Đình Thị L, Đình Thị P, Đình Thị T, Đình Thị K, Đình Văn D, Đình Tuấn A, Đình Thúy P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đình Văn T3, ông Đình Văn T4 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa đất số 111 và tài sản là ngôi nhà cấp 4 là không có cơ sở chấp nhận, do đó cũng không chấp nhận các yêu cầu gồm: Hủy Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND T phố Q ban hành về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đình Văn C, cụ Phạm Thị P2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình Quý M, bà

Nguyễn Thị V; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND T phố Q cấp Ngày 29/11/2007 cho ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V thửa đất số 111, tờ bản đồ số 18, diện tích 308,9m²; Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2007 là vô hiệu; Tuyên hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 16/4/2007; Tuyên hủy Tờ kế ước lập ngày 01/4/2009.

Về thẩm quyền giải quyết sơ thẩm: Tòa án nhân dân T phố Q thụ lý vụ án vào ngày 30/5/2016, trong đó có yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân T phố Q. Căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Q.

Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo của các ông, bà Đinh Thị L, Đinh Thị P, Đinh Thị T, Đinh Thị K, Đinh Văn D, Đinh Tuấn A, Đinh Thúy P, Đinh Văn T4, Đinh Văn T3 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, nếu không hủy thì chia thừa kế, tuyên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là các ông, bà Đinh Văn D, Đinh Thị K, Đinh Tuấn A, Đinh Thúy P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T3, ông Đinh Văn T4 phải chịu án án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000đ. Các bà Đinh Thị L, Đinh Thị P, Đinh Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 633, 645, 722, 723, 726 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015; Án lệ số 03/2016/AL ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Đinh Thị L, Đinh Thị P, Đinh Thị T, Đinh Thị K, Đinh Văn D, Đinh Tuấn A, Đinh Thúy P, Đinh Văn T4, Đinh Văn T3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân T phố Q về *“Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A

và chị Đinh Thúy P về việc hủy quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29-11-2007 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 777588, sổ vào sổ H01884, ngày 29-11-2007 của Ủy ban nhân dân T phố Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P và yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T3 về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn C và cụ Phạm Thị P2.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.977.000 đồng (bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K, ông Đinh Văn D, anh Đinh Tuấn A và chị Đinh Thúy P mỗi người phải chịu 711.000 đồng (bảy trăm mười một nghìn đồng). Bà Đinh Thị L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); bà Đinh Thị P đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); chị Đinh Thúy P đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc là 2.877.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Do đó, bà Đinh Thị P phải trả lại cho bà Đinh Thị L 111.000 đồng (một trăm mười một nghìn đồng); ông Đinh Văn D phải trả lại cho bà Đinh Thị L 678.000 đồng (sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) và trả lại cho chị Đinh Thúy P 33.000 đồng (ba mươi ba nghìn đồng); bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị K và anh Đinh Tuấn A, mỗi người phải trả lại cho chị Đinh Thúy P 711.000 đồng (bảy trăm mười một nghìn đồng).

- Ông Đinh Quý M, bà Nguyễn Thị V phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Ông M, bà V đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

- Bà Đinh Thị L phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Bà L đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suA quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bà Đinh Thị L, Đinh Thị P và Đinh Thị T là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho các bà Đinh Thị L, Đinh Thị P và Đinh Thị T, mỗi người 694.444 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002555 ngày 26-5-2016 (do bà Đinh Thị L đại diện nộp).

- Ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị K, anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P và ông Đinh Văn T3, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền 694.444 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tạm ứng án phí ông Đinh Văn D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002555 ngày 26-5-2016 (do bà Đinh Thị L đại diện nộp) và số tiền 781.250 đồng (bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí ông Đinh Văn D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002035 ngày 12-02-2018 (do ông Nguyễn Đức Vũ nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí ông D phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn D số tiền 1.175.694 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng).

Số tiền 694.444 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tạm ứng án phí bà Đinh Thị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002555 ngày 26-5-2016 (do bà Đinh Thị L đại diện nộp) và số tiền 781.250 đồng (bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí bà Đinh Thị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002035 ngày 12-02-2018 (do ông Nguyễn Đức Vũ nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà K phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị K số tiền 1.175.694 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng).

Số tiền 694.444 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tạm ứng án phí anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002557 ngày 26-5-2016 (do bà Đinh Thị L nộp thay) và số tiền 781.250 đồng (bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002035 ngày 12-02-2018 (do ông Nguyễn Đức Vũ nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh A, chị P phải chịu. Hoàn trả lại cho anh Đinh Tuấn A, chị Đinh Thúy P, mỗi người số tiền là 437.847 đồng (bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Số tiền 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Đinh Văn T3 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0001908 ngày 22-7-2016 sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí ông T3 phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Đinh Văn T3 số tiền là 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông, bà Đinh Văn D, Đinh Thị K, Đinh Tuấn A, Đinh Thúy P, Đinh Văn T3, Đinh Văn T4 mỗi người phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí: Biên lai số AA/2018/0001298 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q (bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho ông Đinh Văn D); Biên lai số AA/2018/0001300 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q

(bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho bà Đinh Thị K); Biên lai số AA/2018/0001301 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q (bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho ông Đinh Tuấn A); Biên lai số AA/2018/0001302 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q (bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho bà Đinh Thúy P); Biên lai số AA/2018/0001303 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q (bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho ông Đinh Văn T3); Biên lai số AA/2018/0001304 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q (bà Nguyễn Thị Kim Xuân nộp thay cho ông Đinh Văn T4).

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Minh Tiến